

KHUNG MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KÌ II - KHTN 6-VẬT LÝ

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		TNKQ	TL	
	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL			
Chủ đề 8: Lực trong đời sống (15 tiết)	4		1	1		1/2			5	1,5	
Chủ đề 9: Năng lượng (10 tiết)	4		1	1		1/2			5	1,5	
Điểm số	2,0		0,5	1,0	0	1,0	0	0,5	2,5	2,5	5
Tổng số điểm	2,0 điểm		1,5 điểm		1,0 điểm		0,5 điểm		5 điểm		5 điểm

II. Bản đặc tả

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi		
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)	
	Nhận biết	-Nêu được: Lực tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc		1		7	

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
<p>Chủ đề 8: Lực trong đời sống (15 tiết)</p> <ul style="list-style-type: none"> – Lực và tác dụng của lực – Biến dạng của lò xo – Lực ma sát – Lực cản của nước 		<p>đối tượng) gây ra lực có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực tiếp xúc.</p> <p>-Nêu được: Lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.</p> <p>-Nêu được: Lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện ở bề mặt tiếp xúc giữa hai vật; khái niệm về lực ma sát trượt; khái niệm về lực ma sát nghỉ.</p> <p>-Nêu được tác dụng cản trở và tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát.</p> <p>-Nêu được các khái niệm: khối lượng (số đo lượng chất của một vật), lực hấp dẫn (lực hút giữa các vật có khối lượng), trọng lượng của vật (độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật).</p>				
			1		8	
			1		9	
			1		10	
	Thông hiểu	- Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.		1		11
		-Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm: thay đổi tốc độ, thay đổi hướng chuyển động, biến dạng vật.		1		12
		-Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		-Sử dụng tranh, ảnh (hình vẽ, học liệu điện tử) để nêu được: Sự tương tác giữa bề mặt của hai vật tạo ra lực ma sát giữa chúng.				
	Vận dụng	-Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.	1		18	
		-Đo được lực bằng lực kế lò xo, đơn vị là niu ton (Newton, kí hiệu N) (không yêu cầu giải thích nguyên lí đo).	1		19	
		-Thực hiện được thí nghiệm chứng tỏ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong nước (hoặc không khí).				
		-Thực hiện thí nghiệm chứng minh được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo.				
Chủ đề 9: Năng lượng (10 tiết) – Khái niệm về năng lượng – Một số dạng năng lượng – Sự chuyển hoá năng lượng	Nhận biết	-Chỉ ra được một số hiện tượng trong tự nhiên hay một số ứng dụng khoa học kĩ thuật thể hiện năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực.		1		13
		- Kể tên được một số nhiên liệu thường dùng trong thực tế.		1		14
				1		15

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
<ul style="list-style-type: none"> - Năng lượng hao phí - Năng lượng tái tạo - Tiết kiệm năng lượng 		<ul style="list-style-type: none"> - Kể tên được một số loại năng lượng. - Chỉ ra được một số ví dụ trong thực tế về sự truyền năng lượng giữa các vật. <ul style="list-style-type: none"> - Phát biểu được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng - Lấy được ví dụ về sự truyền năng lượng từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác thì năng lượng không được bảo toàn mà xuất hiện một năng lượng hao phí trong quá trình truyền và biến đổi. 		1		16
	Thông hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nhiên liệu là vật liệu giải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy. Lấy được ví dụ minh họa. - Phân biệt được các dạng năng lượng. - Chứng minh được năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực. <p>Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh họa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải thích được các hiện tượng trong thực tế có sự chuyển hóa năng lượng 	1		20	

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		- Nêu được sự truyền năng lượng từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác thì năng lượng không được bảo toàn mà xuất hiện một năng lượng hao phí trong quá trình truyền và biến đổi. Lấy được ví dụ thực tế.				

KHUNG MA TRẬN KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: KHTN 6 (Phân môn: Sinh học)

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu	Điểm số	
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			Tự luận	Trắc nghiệm
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận		
Bài 30 Nguyên sinh vật + Bài 31: TH (Sinh: 4 tiết)		1		1						0,5	
Bài 32: Nấm + Bài 33: TH (Sinh: 5 tiết)		1		1						0,5	

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu	Điểm số	
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao			Tự luận	Trắc nghiệm
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm			
Bài 34 Thực vật + Bài 35: TH(Sinh: 5 tiết)		1		2						0,75	
Bài 36 Động vật + Bài 37: TH(Sinh: 7 tiết)	1/2	2	1/2						1	0,5	1
Bài 38 Đa dạng sinh học + Bài 39: Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên(Sinh: 5 tiết)		1			1/2		1/2		1	0,25	1,5
Số câu	1/2	6	1/2	4	1/2		1/2		2		
Điểm số	0,5	1,5	0,5	1	1		0,5		2,5	2,5	2,5
Tổng số điểm	2,0 điểm (20%)		1,5 điểm (15%)		1,0 điểm (10%)		0,5 điểm (5%)			5 điểm (50%)	

**BẢNG ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6 CUỐI HK II
(PHÂN MÔN SINH HỌC) (Theo đề A)**

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
Đa dạng thế giới sống						
Đa dạng nguyên sinh vật: - Sự đa dạng n/ sinh vật. - Một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.	Nhận biết	- Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.		1		C1
	Thông hiểu	- Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...).		1		C2
		- Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật.				
Vận dụng	- Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi.					
- Đa dạng Nấm	Nhận biết	- Nêu được một số bệnh do nấm gây ra.		1		C3
	Thông hiểu	- Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm.		1		C4
		- Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...).				
	- Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra.					
Vận dụng	- Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp).					
Vận dụng cao	- Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ...					
- Đa dạng thực vật	Nhận biết	- Biết được đặc điểm chung của thực vật thích nghi với môi trường sống.		1		C8
	Thông hiểu	- Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm		2		C5, C6

		<p>thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín).</p> <p>- Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...).</p>				
	Vận dụng	- Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học.				
	Vận dụng cao					
- Đa dạng động vật	Nhận biết	<p>- Nêu được vai trò và một số tác hại của động vật trong đời sống.</p> <p>- Nhận biết động vật có xương sống và động vật không có xương sống dựa vào đặc điểm cơ bản.</p>	1/2	1	C1	C9
	Thông hiểu	<p>- Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh họa.</p> <p>- Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình.</p> <p>- Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình.</p>				
	Vận dụng	- Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên.				
- TH: QS và nhận biết một số	Nhận biết	- Nhận biết và nêu tên các loài động vật ngoài thiên nhiên.		1		C10
	Thông	- Tìm kiếm, quan sát, xác định và mô tả được các đặc điểm về môi				

nhóm động vật ngoài thiên nhiên	hiểu	trường sống, màu sắc, hình dạng, sự di chuyển, đặc điểm đặc trưng của một số loài động vật có trong khu vực quan sát. - Hiểu được lợi ích mang lại khi màu sắc của động vật trùng với màu sắc của môi trường sống.	1/2		C1	
- Đa dạng sinh học. - Vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên.	Nhận biết	- Nêu được đặc điểm đặc trưng thể hiện sự đa dạng sinh học - Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, ...)		1		C7
	Thông hiểu					
	Vận dụng					
- Nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học và hậu quả. - Bảo vệ đa dạng sinh học	Nhận biết					
	Thông hiểu					
	Vận dụng	- Tìm được nguyên nhân gây suy giảm đa dạng sinh học và hậu quả. Giải thích được lí do cần bảo vệ đa dạng sinh học.	1/2		C2	
	Vận dụng cao	Liên hệ thực tiễn, đề xuất được các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học.	1/2		C2	
- Tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.	Nhận biết					
	Thông hiểu					
	Vận dụng					
	Vận dụng cao	- Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây				

	<p>bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).</p> <ul style="list-style-type: none">- Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật.- Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên.- Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống).- Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên.			
--	---	--	--	--

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm 2 trang)

ĐỀ A

A. KHTN- VẬT LÍ

I. TRẮC NGHIỆM (2.5 điểm) Khoanh vào chữ cái đầu câu trả lời đúng trong các câu hỏi sau:

Câu 1: Những nguồn năng lượng nào sau đây là năng lượng tái tạo:

- A. Than, xăng B. Mặt Trời, khí tự nhiên. C. Mặt Trời, gió. D. Dầu mỏ, khí tự nhiên.

Câu 2: Trường hợp nào sau đây liên quan đến lực không tiếp xúc?

- A. Vận động viên nâng tạ. B. Một người đang vác thùng hàng trên vai.
C. Giọt mưa đang rơi. D. Bạn Lan cầm bút viết.

Câu 3: Biến dạng của vật nào sau đây giống biến dạng của lò xo?

- A. Cái bình sứ. B. Hòn đá. C. Quả bóng cao su. D. Miếng kính

Câu 4: Một học sinh đá quả bóng nhựa vào tường sau đó quả bóng bị méo đi. Lực tác dụng lên quả bóng sẽ gây ra những kết quả nào sau đây?

- A. Không làm quả bóng chuyển động. B. Vừa làm biến dạng và biến đổi chuyển động quả bóng.
C. Chỉ làm biến dạng không làm biến đổi chuyển động quả bóng D. Không làm biến dạng quả bóng.

Câu 5: Trong các phát biểu sau đây, phát biểu nào đúng?

- A. Mọi vật có khối lượng đều hút lẫn nhau.
B. Độ lớn của lực hấp dẫn phụ thuộc vào khối lượng của các vật.
C. Đơn vị của trọng lượng là newton (N). D. Cả 3 phương án trên.

Câu 6: Độ dẫn của lò xo treo theo phương thẳng đứng, tỉ lệ với:

- A. Khối lượng của vật treo B. Lực hút của trái đất C. Độ dẫn của lò xo. D. Trọng lượng của lò xo

Câu 7: Khi quạt điện hoạt động thì có sự chuyển hóa:

- A. Động năng thành điện năng. B. Điện năng thành động năng.
C. Điện năng thành hóa năng. D. Nhiệt năng thành điện năng.

Câu 8: Trong các dụng cụ và thiết bị sau đây, thiết bị nào chủ yếu biến đổi điện năng thành nhiệt năng.

- A. Bàn là điện. B. Máy khoan. C. Quạt điện. D. Máy bơm nước

Câu 9: Đơn vị đo lực là

- A. kilogam B. mét C. Niu -ton D. lít

Câu 10: Trường hợp nào sau đây là biểu hiện của một vật có thế năng?

- A. Đun nóng vật. B. Làm lạnh vật. C. Chiếu sáng vật. D. Đưa vật lên cao.

II. TỰ LUẬN (2,5 điểm)

Câu 11: (0,75 đ) Một quả táo được rơi từ trên cây xuống đất.

a. Em hãy cho biết lực nào đã tác dụng làm quả táo rơi? Lực đó có phương và chiều như thế nào?

b. Hãy biểu diễn lực nêu trên. (Biết lực tác dụng làm quả táo rơi có độ lớn là 8N, Tỉ xích 1cm tương ứng với 2N).

Câu 12: (1 đ) a. Nêu định luật bảo toàn năng lượng?

b. Hãy vẽ sơ đồ chuyển hóa năng lượng khi sử dụng ti vi ?Hãy cho biết năng lượng nào là hữu ích và năng lượng nào là hao phí?

Câu 13: (0,75 đ) Một lò xo được treo trên giá. Treo một quả nặng 20g vào đầu dưới củ lò xo thì lò xo dài thêm 0,5 cm.

a. Người ta đã đo được chiều dài của lò xo khi biến dạng là 10 cm. Tính chiều dài ban đầu của lò xo?

b. Để lò xo dài thêm 2 cm thì cần phải treo vào lò xo bao nhiêu quả nặng ?

B. KHTN - SINH HỌC

I. TRẮC NGHIỆM (2.5 điểm) Khoanh vào chữ cái đầu câu trả lời đúng trong các câu hỏi sau:

Câu 1. Nguyên sinh vật là những sinh vật:

- A. chưa có cấu tạo tế bào, đa số có kích thước hiển vi.
B. có cấu tạo tế bào, nhân sơ, đa số có kích thước hiển vi.
C. đơn bào, nhân thực, có kích thước lớn. D. đơn bào, nhân thực, có kích thước hiển vi.

Câu 2. Loài nào có khả năng cung cấp oxygen cho các động vật dưới nước?

- A. Tảo B. Rêu C. Dương xỉ D. Trùng giày

Câu 3. Quá trình chế biến rượu vang cần sinh vật nào sau đây là chủ yếu?

- A. Vi khuẩn. B. Nấm men C. Nguyên sinh vật. D. Virus.

Câu 4. Ở người, bệnh nào dưới đây do nấm gây ra?

- A. Viêm phổi B. Thủy đậu C. Hắc bào D. Bệnh sốt rét

Câu 5. Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách:

- A. tăng bụi và khí độc, giảm hàm lượng oxygen.
B. giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng carbon dioxide.
C. giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng carbon dioxide và oxygen.
D. tăng bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng carbon dioxide và oxygen.

Câu 6. Nhóm thực vật thuộc ngành dương xỉ là:

- A. pơmu, dương xỉ, vạn tuế. B. dương xỉ, cà chua, rêu
C. dương xỉ, rêu, thông D. cỏ bọ, culi, bèo ong.

Câu 7. Cơ thể phủ lông mao là đặc điểm của:

- A. Con thỏ B. Chim bồ câu C. Con đà điểu D. Chim cánh cụt

Câu 8. Con ếch sống ở môi trường nào?

- A. Trên cạn B. Dưới nước C. Vừa ở nước, vừa ở cạn D. Trên cây

Câu 9. Sự đa dạng sinh học biểu thị rõ nét nhất ở:

- A. hình thức dinh dưỡng B. môi trường sống
C. số lượng loài sinh vật D. hình thức di chuyển

Câu 10. Sinh cảnh nào dưới đây có độ đa dạng sinh học thấp?

- A. Thảo nguyên B. Hoang mạc C. Rừng mưa nhiệt đới D. Rừng ôn đới.

II. TỰ LUẬN (2,5 điểm)

Câu 1. Vì sao chúng ta cần bảo vệ sự đa dạng sinh học? Nêu biện pháp bảo vệ sự đa dạng sinh học? (1 điểm)

Câu 2. Nêu vai trò của động vật đối với tự nhiên và con người? (1 điểm)

Câu 3: Cho các đại diện sinh vật sau: *chim cánh cụt, cá cóc tam đảo, cá mập, cá voi, cá sấu, cá chép, chim bồ câu, ếch giun, rùa, lợn.*

Hãy sắp xếp chúng vào các nhóm động vật thích hợp trong bảng sau: (0,5 điểm)

Nhóm động vật	Lớp cá	Lớp lưỡng cư	Lớp bò sát	Lớp chim	Lớp thú
Đại diện sinh vật					

-----Hết-----

Họ và tên.....Lớp 6/.....

Số báo danh.....

ĐỀ CHÍNH THỨC

Thời gian: 60 phút (không tính thời gian giao đề)

(Đề gồm 2 trang)

ĐỀ B

A. KHTN- VẬT LÝ

I. TRẮC NGHIỆM (2.5 điểm) Khoanh vào chữ cái đầu câu trả lời đúng trong các câu hỏi sau:

Câu 1. Đơn vị đo lực là

- A. Kilogam B. mét C. Niu -ton D. lít

Câu 2: Một học sinh đá quả bóng nhựa vào tường sau đó quả bóng bị méo đi. Lực tác dụng lên quả bóng sẽ gây ra những kết quả nào sau đây?

- A. Không làm quả bóng chuyển động. B. Vừa làm biến dạng và biến đổi chuyển động quả bóng.
C. Chỉ làm biến dạng không làm biến đổi chuyển động quả bóng D. Không làm biến dạng quả bóng.

Câu 3: Khi quạt điện hoạt động thì có sự chuyển hóa:

- A. Động năng thành điện năng. B. Điện năng thành động năng.
C. Điện năng thành hóa năng. D. Nhiệt năng thành điện năng.

Câu 4: Trong các dụng cụ và thiết bị sau đây, thiết bị nào chủ yếu biến đổi điện năng thành nhiệt năng.

- A. Bàn là điện. B. Máy khoan. C. Quạt điện. D. Máy bơm nước

Câu 5: Những nguồn năng lượng nào sau đây là năng lượng tái tạo:

- A. Than, xăng B. Mặt Trời, khí tự nhiên. C. Mặt Trời, gió. D. Dầu mỏ, khí tự nhiên.

Câu 6: Trong các phát biểu sau đây, phát biểu nào đúng?

- A. Mọi vật có khối lượng đều hút lẫn nhau.
B. Độ lớn của lực hấp dẫn phụ thuộc vào khối lượng của các vật.
C. Đơn vị của trọng lượng là newton (N). D. Cả 3 phương án trên.

Câu 7: Trường hợp nào sau đây liên quan đến lực không tiếp xúc?

- A. Vận động viên nâng tạ. B. Người dọn hàng đẩy thùng hàng trên sân.
C. Giọt mưa đang rơi. D. Bạn Lan cầm bút viết.

Câu 8. Biến dạng của vật nào sau đây giống biến dạng của lò xo?

- A. Cái bình sứ. B. Hòn đá. C. Quả bóng cao su. D. Miếng kính

Câu 9: Trường hợp nào sau đây là biểu hiện của một vật có thể năng?

- A. Đun nóng vật. B. Làm lạnh vật. C. Chiếu sáng vật. D. Đưa vật lên cao.

Câu 10: Độ dẫn của lò xo treo theo phương thẳng đứng, tỉ lệ với:

- A. Khối lượng của vật treo B. Lực hút của trái đất C. Độ dẫn của lò xo D. Trọng lượng của lò xo

II. TỰ LUẬN: (2,5 điểm)

Câu 1:(0,75đ). Một quả táo được rơi từ trên cây xuống đất.

- a. Em hãy cho biết lực nào đã tác dụng làm quả táo rơi? Lực đó có phương và chiều như thế nào?
b. Hãy biểu diễn lực nêu trên. (Biết lực tác dụng làm quả táo rơi có độ lớn là 4N, tỉ xích 1cm tương ứng với 1N).

Câu 2:(1 đ) a. Nêu định luật bảo toàn năng lượng?

b. Hãy vẽ sơ đồ chuyển hóa năng lượng khi sử dụng điện thoại?Hãy cho biết năng lượng nào là hữu ích và năng lượng nào là hao phí?

Câu 3:(0,75đ) Một lò xo được treo trên giá.Treo một quả nặng 10g vào đầu dưới của lò xo thì lò xo dài thêm 0,2 cm.

- a.Người ta đã đo được chiều dài của lò xo khi biến dạng là 8 cm.Tính chiều dài ban đầu của lò xo?
b.Để lò xo dài thêm 0,6 cm thì cần phải treo vào lò xo bao nhiêu quả nặng ?

B. KHTN- SINH HỌC

I. TRẮC NGHIỆM (2.5 điểm) Khoanh vào chữ cái đầu câu trả lời đúng trong các câu hỏi sau:

Câu 1. Loài nào có khả năng cung cấp oxygen cho các động vật dưới nước?

- A. Rêu B. Tảo C. Dương xỉ D. Trùng giày

Câu 2. Quá trình chế biến rượu vang cần sinh vật nào sau đây là chủ yếu?

- A. Vi khuẩn. B. Virus. C. Nguyên sinh vật. D. Nấm men.

Câu 3. Nhóm thực vật thuộc ngành dương xỉ là:

- A. dương xỉ, rêu, thông B. dương xỉ, cà chua, rêu
C. pomu, dương xỉ, vạn tuế. D. cỏ bọ, culi, bèo ong.

Câu 4. Con ếch sống ở môi trường nào?

- A. Trên cạn B. Dưới nước C. Vừa ở nước, vừa ở cạn D. Trên cây

Câu 5. Sự đa dạng sinh học biểu thị rõ nét nhất ở:

- A. số lượng loài sinh vật B. môi trường sống C. hình thức dinh dưỡng D. hình thức di chuyển

Câu 6. Nguyên sinh vật là những sinh vật:

- A. đơn bào, nhân thực, có kích thước hiển vi.
B. có cấu tạo tế bào, nhân sơ, đa số có kích thước hiển vi.
C. chưa có cấu tạo tế bào, đa số có kích thước hiển vi.
D. đơn bào, nhân thực, có kích thước lớn.

Câu 7. Thực vật góp phần làm giảm ô nhiễm môi trường bằng cách:

- A. tăng bụi và khí độc, giảm hàm lượng oxygen.
B. giảm bụi và khí độc, tăng hàm lượng carbon dioxide.
C. tăng bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng carbon dioxide và oxygen.
D. giảm bụi và khí độc, cân bằng hàm lượng carbon dioxide và oxygen.

Câu 8. Da phủ lông mao là đặc điểm của:

- A. Chim bồ câu B. Con thỏ C. Con đà điểu D. Chim cánh cụt

Câu 9. Sinh cảnh nào dưới đây có độ đa dạng sinh học thấp?

- A. Thảo nguyên B. Rừng mưa nhiệt đới C. Hoang mạc D. Rừng ôn đới.

Câu 10. Ở người, bệnh nào dưới đây do nấm gây ra?

- A. Hắc lào B. Thủy đậu C. Viêm phổi D. Bệnh sốt rét

II. Tự luận: (2,5 điểm)

Câu 1. Vì sao chúng ta cần bảo vệ sự đa dạng sinh học? Nêu biện pháp bảo vệ sự đa dạng sinh học? (1 điểm)

Câu 2. Nêu vai trò của động vật đối với tự nhiên và con người? (1 điểm)

Câu 3: Cho các đại diện sinh vật sau: *chim cánh cụt, cá cóc tam đảo, cá mập, cá voi, cá sấu, cá chép, chim bồ câu, ếch giun, rùa, lợn.*

Hãy sắp xếp chúng vào các nhóm động vật thích hợp trong bảng sau: (0,5 điểm)

Nhóm động vật	Lớp cá	Lớp lưỡng cư	Lớp bò sát	Lớp chim	Lớp thú
Đại diện sinh vật					

-----Hết-----

Họ và tên.....Lớp 6/.....

Số báo danh.....